

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÝ NHÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2020/HS-ST
Ngày: 15 - 7 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÝ NHÂN - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Quốc Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Ngọc;

2. Bà Nguyễn Thị Quyên.

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Nhật Trung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2020/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Trần Thế V, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 6, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T1 và bà Trần Thị T2; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 01/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Trần Văn Q, sinh năm 1995 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B (đã chết) và bà Trần Thị Q2; có vợ là Trương Thị H1 và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2020 đến nay; có mặt.

3. Trần Văn T, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T3 và bà Trần Thị H2; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không;

Tiền án: Ngày 22/4/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng, về tội “*Buôn bán hàng cấm*”;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/4/2020 cho đến nay; có mặt.

4. Nguyễn Trường G, sinh năm 1990 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 1, xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T3 và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Phan Thị Thu H3 và 02 con, con lớn sinh năm 2014 con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 01/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. Trần Mạnh C, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 7, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân H4 và bà Trần Thị H5; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 01/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. Trần Quang T4, sinh năm 1998 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quang T5 và bà Hoàng Thị Kim C; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 01/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. Trần Trọng Đ, sinh năm 1996 tại tỉnh Hà Nam; nơi cư trú: Thôn 4, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trọng P và bà Lê Thị T6; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 21/4/2020 đến ngày 01/5/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Chị Trần Thị H6, sinh năm 1972; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

3. Anh Trần Hữu T9, sinh năm 1995; nơi cư trú: Thôn 2, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 21/4/2020, Trần Thế V, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ, Trần Văn T và Trần Hán Q1 đi bộ đến quán cà phê S thuộc thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam để chơi bi-a. Do say rượu nên Q1 không chơi bi-a mà vào trong phòng ở tầng 2 nằm ngủ. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, V, C, T4, Đ cùng rủ nhau vào phòng ngủ ở tầng 2 để đánh bạc dưới hình thức đánh liêng, khi vào phòng, cả nhóm thấy trên nền nhà đã trải sẵn chiếu và 01 bộ bài tú lơ khơ nên cùng nhau ngồi xuống để đánh bạc, mức sát phạt từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng/người/ván. Ngồi chơi được khoảng 10 phút thì Trần Văn T đến, khoảng 15 phút sau khi T đến thì Trần Văn T không chơi bi-a nữa mà vào cùng tham gia đánh bạc, sau đó khoảng 10 phút thì Nguyễn Trường G đến và cùng tham gia đánh bạc.

Các bị cáo quy ước chơi và tỷ lệ được thua như sau:

Từng ván chơi, mỗi người bỏ ra 50.000 đồng để góp "gà", sau đó từng người chơi lần lượt được tổ một lần, mỗi lần "tổ" phải bỏ ra tối thiểu số tiền là 50.000 đồng và tối đa số tiền là 200.000 đồng ("tổ" có nghĩa là đặt thêm tiền cược cao hơn số tiền những người chơi đã đặt hoặc cao hơn số tiền người chơi trước đó đã tổ). Đồng thời quy định từ cao đến thấp là "sáp", "liêng", "ảnh" rồi đến tính điểm. "Sáp" là ba lá bài giống nhau (cao nhất là AAA đến thấp nhất là 222), "liêng" là ba lá bài liên tiếp nhau (liêng cao nhất là Q, K, A rồi đến thấp nhất là A, 2, 3 bích), "ảnh" là ba lá bài có hình đầu người trong đó có hai quân bài giống nhau. Nếu tính điểm thì cộng ba quân bài lại với nhau, cao nhất là 9 điểm, thấp nhất là 0 điểm, trong đó A=1 điểm, 2=2 điểm...9=9 điểm, từ 10 đến K tính là không điểm, đồng thời quy định chất rô là lớn nhất sau đó đến các chất cơ, tép, bích. Khi bắt đầu chơi, một người lấy bộ bài tú lơ khơ đảo đều rồi chia cho mỗi người 03 quân bài, số quân bài còn lại người chia bỏ xuống chiếu bạc. Sau đó các con bạc bắt đầu lên bài, căn cứ vào ba quân bài của mình mà người chơi có thể tham gia vào việc "tổ" tức là đánh được thua với các con bạc khác. Khi tổ thì người chia bài được tổ đầu tiên, nếu người chia bài không tham gia tổ, thì người ngồi bên phía tay phải của người chia bài được tổ đầu tiên. Người tổ đầu tiên phải tổ thấp nhất số tiền là 50.000 đồng và cao nhất số tiền là 200.000 đồng trên một lượt. Khi người tổ đầu tiên đã "tổ" xong, thì người ngồi bên phía tay phải của người tổ đầu là người tiếp theo được tổ, người này tùy thuộc vào ba quân bài của mình mà có thể tham gia tổ hoặc không tham gia. Khi tham gia tổ thì người này phải tổ thấp nhất bằng với số tiền người tổ trước mình (gọi là theo hoặc cân) hoặc tổ cao hơn nhưng cũng không quá số tiền là 200.000 đồng, còn khi không tham gia tổ thì nói "bỏ hoặc úp" và úp ba quân bài đã được chia vào nọc. Khi các con bạc tổ theo lên đến số tiền 200.000 đồng và không còn ai tổ thêm thì mở bài ra độ. Khi tất cả những người cùng chơi độ bài, ai có bài to nhất thì thắng và được toàn bộ số tiền các con bạc đã đóng gà cùng số tiền đã tổ và người này là người được chia bài, được quyền tổ đầu tiên của ván tiếp theo.

Đến khoảng 22 giờ 50 phút cùng ngày, trong lúc các đối tượng đang sát phạt nhau thì bị Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Công an xã T bắt quả tang, vật chứng thu giữ:

- Thu trên chiếu bạc: 01 bộ bài tú lơ khơ; 01 chiếu nhựa và số tiền 300.000 đồng.

- Thu giữ tại vị trí ngồi của các bị cáo: Trần Thế V số tiền 250.000 đồng và 02 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 và Iphone 8; Trần Văn Q số tiền 450.000 đồng; Trần Văn T số tiền 450.000 đồng và 01 điện thoại di động; Trần Mạnh C số tiền 1.200.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Nguyễn Trường G số tiền 1.350.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS; Trần Quang T4 số tiền 1.310.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7; Trần Trọng Đ số tiền 800.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S.

- Thu trên người của các bị cáo: Trần Văn Q số tiền 2.000.000 đồng; Trần Thế V 01 ví giả da, bên trong có số tiền 7.700.000 đồng.

Sau khi tiến hành lập biên bản bắt người quả tang và biên bản niêm phong vật chứng, đến khoảng 01 giờ 25 phút ngày 22/4/2020, Công an huyện Lý Nhân áp giải các đối tượng về trụ sở Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam. Trong lúc áp giải các đối tượng xuống đến cầu thang tầng 1 của quán cà phê S thì phát hiện Trần Văn Q có biểu hiện nghi vấn nên đã tiến hành kiểm tra, thu giữ: Phía sau quần lót của Q 06 gói nilon hình vuông, đều có đường kẻ xanh, bên trong đều chứa các cục, màu trắng dạng tinh thể to, nhỏ khác nhau (được niêm phong trong phong bì ký hiệu A). Q khai là ma túy mua về để sử dụng.

Khám xét khẩn cấp quán cà phê S tại thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam phát hiện thu giữ: 01 bình xịt hơi cay, hình trụ màu đen tại bậc cửa sổ nhìn ra cầu thang; 01 thanh kiếm bằng kim loại tại nền nhà phía sau kết sắt và 07 bộ bài tú lơ khơ trên mặt kết sắt gần cửa sổ nhìn ra cầu thang.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Văn Q cơ quan điều tra không thu giữ được tài sản, đồ vật gì liên quan đến vụ án.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc là 7.110.000 đồng; trong đó thu dưới chiếu bạc số tiền là 6.110.000 đồng và 1.000.000 đồng thu trên người của Trần Văn Q. Các bị cáo sử dụng số tiền để đánh bạc cụ thể như sau: Bị cáo V sử dụng 2.050.000 đồng, G sử dụng 1.200.000 đồng, Q sử dụng 1.000.000 đồng, C sử dụng 960.000 đồng; T4 sử dụng 800.000 đồng, Đ sử dụng 600.000 đồng, T sử dụng 500.000 đồng.

Tại bản kết luận giám định số 62/PC09-MT ngày 24/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam, kết luận: “*Mẫu tinh thể màu trắng trong phong bì ký hiệu A gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,087g (Ba phẩy không trăm tám mươi bảy gam), loại: Ketamine*”.

Tại bản cáo trạng số 37/CT-VKSLN ngày 22/6/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đã truy tố các bị cáo Trần Thế V, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ về tội “*Đánh bạc*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Trần Văn Q về các tội “*Đánh bạc*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 và điểm g khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo như cáo trạng đã nêu, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo; điểm g khoản 1 Điều 249, khoản 2 Điều 51, Điều 55, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 56, Điều 65, Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thế V, Nguyễn Trường G và Trần Mạnh C; điểm i khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ.

Xử phạt:

+ Trần Văn Q từ 09 đến 12 tháng tù, về tội “*Đánh bạc*” và từ 24 đến 30 tháng tù về tội về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai tội từ 33 đến 42 tháng tù.

+ Trần Văn T từ 12 đến 15 tháng tù về tội “*đánh bạc*”. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt 27 tháng tù, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 tại bản án số 18/2019/HS-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam. Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 39 đến 42 tháng tù, bị cáo được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam tại bản án số 18/2019/HS-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

+ Trần Thế V từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Nguyễn Trường G từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Trần Mạnh C từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

+ Trần Quang T4 từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

+ Trần Trọng Đ từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ.

Đề nghị không áp dụng khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo bị xử phạt cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị phạt tiền mỗi bị cáo từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng. Đồng thời đề xuất hướng xử lý vật chứng và án phí vụ án.

- Các bị cáo đều khai nhận hành vi của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân đã truy tố và không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì mà xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lý Nhân, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với diễn biến vụ án được ghi nhận tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét khẩn cấp, các vật chứng đã thu giữ tại hiện trường, bản kết luận giám định về ma túy, cũng như chính lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, ngoài ra còn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ 50 phút ngày 21/4/2020, tại phòng ngủ ở tầng 2 của quán cà phê S thuộc thôn 3, xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam. Trần Thế V, Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức đánh “Liêng” với số tiền là 7.110.000đ (*Bảy triệu một trăm mười nghìn đồng*) thì bị Công an huyện Lý Nhân phối hợp với Công an xã T bắt quả tang.

Đến khoảng 01 giờ 25 phút ngày 22/4/2020, tại cầu thang tầng 1 của quán cà phê S, lực lượng Công an phát hiện Trần Văn Q đã có hành vi cất giữ trái phép 3,087 (*Ba phẩy không trăm tám mươi bảy*) gam ma túy, loại: Ketamine để sử dụng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Trần Thế V, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ phạm vào tội “*Đánh bạc*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Văn Q đã phạm vào các tội “*Đánh bạc*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 và điểm g khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự

Quan điểm kết tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam đối với các bị cáo đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo Trần Thế V, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng, ảnh hưởng xấu tới an ninh trật tự địa phương. Vì vậy phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Hành vi của bị cáo Trần Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý đặc biệt của Nhà nước đối với chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe của chính bị cáo và cuộc sống của gia đình bị cáo.

- *Về nhân thân*: Bị cáo Trần Văn T có nhân thân xấu, ngày 22/4/2019 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xử phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 54 tháng về tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Các bị cáo V, G, C, T4, Đ đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

- *Về tình tiết tăng nặng*: Bị cáo Trần Văn T đã bị kết án về tội “*Tàng trữ hàng cấm*” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục phạm tội mới do cố ý nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “*Tái phạm*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Các bị cáo còn lại đều không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

- *Về tình tiết giảm nhẹ*: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, sau khi phạm tội các bị cáo đều tỏ rõ sự ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo V, C, T4, Đ, G đều phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nên đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Bị cáo Q xuất trình các tài liệu gồm Danh hiệu bà mẹ việt nam anh hùng Trần Thị C, chứng nhận gia đình liệt sĩ của bà Trần Thị Q2, Huy chương quân kỳ quyết thắng và Huy chương chiến sĩ vẻ vang của bà Trần Thị V, Huy chương quân kỳ quyết thắng của ông Đinh Sơn H7, bản thân bị cáo đã từng tham gia quân ngũ, hiện có hoàn cảnh khó khăn đang nuôi con nhỏ (cháu lớn sinh năm 2018, cháu nhỏ sinh năm 2019) bị cáo gia đình thờ cúng liệt sĩ và bà mẹ việt nam anh hùng; bị cáo V xuất trình Giấy chứng nhận thương binh và Huy chương kháng chiến hạng nhì của ông Trần Văn N (là ông nội bị cáo), đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn; bị cáo G xuất trình đơn có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo C xuất trình đơn trình bày và tài liệu xác nhận ông (Trần Xuân H4 là bố đẻ bị cáo)

bị bệnh nhồi máu cơ tim, gia đình có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo T xuất trình Quyết định về việc phục viên của ông Trần Quang T5 (là bố đẻ của bị cáo) đã tham gia quân ngũ được hưởng trợ cấp của nhà nước và đơn xác nhận có bà Trần Thị V và bà Trần Thị T8 (là bác ruột bị cáo) tham gia quân đội được tặng thưởng Huân chương kháng chiến), bản thân bị cáo hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương; bị cáo Đ xuất trình đơn trình bày có ông Trần Trọng P (là bố đẻ của bị cáo) tham gia kháng chiến được tặng Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng 3, Huy chương chiến công hạng 3, Bằng Khen, bản thân bị cáo có hoàn cảnh khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương đúng như nội dung đơn trình bày.

Vì vậy, xem xét cho các bị cáo V, Q, G, C, T4, Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

- Xét vai trò của các bị cáo: Đối với hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” bị cáo Trần Văn Q phạm tội độc lập.

Đối với hành vi “*Đánh bạc*” có nhiều bị cáo cùng tham gia thực hiện, không phân vai trò vụ trí cụ thể nên xác định đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, bị cáo V là người sử dụng số tiền nhiều nhất, tham gia đánh bạc từ đầu đến khi bị bắt giữ nên bị cáo V giữ vai trò thứ nhất; bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ cùng thực hiện tội phạm và sử dụng số tiền ít hơn nên giữ vai trò đồng phạm ngang nhau trong vụ án.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Các bị cáo Trần Văn Q và Trần Văn T là người có gia đình ổn định và ở độ tuổi đủ nhận thức rõ về pháp luật nhưng các bị cáo lại thiếu ý thức trong rèn luyện, luôn thể hiện lối sống tự do, buông thả. Bị cáo Quân sa vào nghiện ngập ma túy, bị cáo Tú đã từng phạm tội nhưng không lấy đó làm bài học nay lại tiếp tục phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải xử lý nghiêm minh, áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, cũng như đáp ứng công tác phòng ngừa tội phạm chung trong cộng đồng. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc yếu tố nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, tạo điều kiện cho các bị cáo yên tâm cải tạo, sớm tái hòa nhập cộng đồng, đồng thời cũng thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội.

- Các bị cáo Trần Thế V, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ đều có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chấp hành đúng chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân nơi cư trú; các bị cáo đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, một tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu một tình tiết tăng nặng nào; tổng số tiền các bị cáo sử dụng để

đánh bạc trong vụ án trên mức cấu thành định tội là không đáng kể, các bị cáo đều có nơi cư trú rõ ràng, ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy không cần phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù vì các bị cáo có khả năng tự cải tạo tại địa phương mà cho các bị cáo Trần Thế V, Trần Mạnh C, Nguyễn Trường G được hưởng án treo và áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo Trần Quang T4, Trần Trọng Đ không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội mà vẫn đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với các bị cáo, đồng thời cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật. Phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà; đảm bảo đúng Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 về án treo và quy định tại Điều 35 Bộ luật hình sự về hình phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo Trần Quang T và Trần Trọng Đ được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bản thân không có công việc, thu nhập ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo theo quy định của pháp luật.

[4] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội nhằm thu lợi bất chính, để đảm bảo tính nghiêm minh đối với loại tội phạm này. Xét thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo. Tuy nhiên, cũng xem xét các bị cáo đều có đơn trình bày có hoàn cảnh khó khăn, nên phạt tiền bị cáo V 3.000.000 đồng; các bị cáo còn lại áp dụng mức phạt tiền 2.000.000 đồng đối với mỗi bị cáo là phù hợp.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Số ma túy thu giữ của Trần Văn Q cùng bao gói, được Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hà Nam hoàn trả sau giám định, là vật cấm lưu hành; 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân và 01 chiếc nhựa đã cũ là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu tại chiếu bạc là 6.110.000 đồng và 1.000.000 đồng thu trong người của Trần Văn Q là tiền sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 bình xịt hơi cay; 01 thanh kiếm bằng kim loại không xác định được chủ sở hữu và 07 bộ bài tú lơ khơ không có giá trị sử dụng nên tịch thu và tiêu hủy.

- Số tiền còn lại là 1.000.000 đồng thu trên người Trần Văn Q và 7.700.000 đồng thu trên người của Trần Thế V; 01 điện thoại di động được niêm phong trong phong bì dán kín là tài sản hợp pháp của Trần Văn T. Quá trình điều tra và tại phiên toà xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, nên trả lại các bị cáo nhưng quản lý để bảo đảm công tác thi hành án dân sự.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] Về các vấn đề khác:

+ Đối với nguồn gốc số ma túy Q mua của người có tên Facebook “*Trần T8*” và 02 người thanh niên tại khu vực cầu Đ thuộc địa phận thành phố N. Ngoài lời khai của bị cáo Q, không còn tài liệu nào khác nên Công an huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam không có căn cứ để xác minh, làm rõ.

+ Đối với bà Trần Thị H6 là chủ quán cà phê S. Quá trình điều tra xác định bà H6 đã giao quán cà phê này cho chị N (là con gái bà H6) trông coi. Tối ngày 21/4/2020 chị N nhờ anh T10 (là con nuôi bà H6) trông coi tài sản tại quán cà phê S. Mặc dù T10 đến và biết có hành vi đánh bạc tại phòng ngủ tầng 2 của quán cà phê S nhưng do nhận thức T10 không có thẩm quyền ngăn chặn nên ngồi xem và không thông báo cho bà H6 và chị N biết. Bà H6, chị N và anh T10 đều không nhận bất kỳ lợi ích vật chất gì nên không có căn cứ để xử lý hình sự.

Tuy nhiên, việc ngày 21/4/2020 bà H6 đã mở cửa hoạt động của quán cà phê S đã vi phạm quy định tại điểm b, c khoản 4 Điều 11 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân đã có văn bản kiến nghị với Phòng y tế huyện L tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện L xử lý vi phạm hành chính đối với bà Trần Thị H6 là đúng quy định của pháp luật.

+ Đối với 06 chiếc điện thoại di động được niêm phong dán kín trong 06 phong bì và 01 ví giả da, màu đen là tài sản hợp pháp của các bị cáo V, T4, Đ, C, G. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lý Nhân đã trả lại cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố:

- Các bị cáo Trần Thế V, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ phạm tội “*Đánh bạc*”.

- Bị cáo Trần Văn Q phạm tội “*Đánh bạc*” và “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về Điều luật áp dụng và hình phạt chính.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Thế V.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thế V 12 (*Mười hai*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (*Hai mươi bốn*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; điểm g khoản 1 Điều 249; Điều 55; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn Q.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn Q 09 tháng tù về tội “*Đánh bạc*” và 24 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Trần Văn Q phải chấp hành hình phạt chung của hai tội là 33 (*Ba mươi ba*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/4/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 56; Điều 58; khoản 5 Điều 65; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Trần Văn T 12 tháng tù. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt 27 tháng tù cho hưởng án treo (Chuyển thành án giam), tại bản án số 18/2019/HS-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tổng hợp hình phạt: Bị cáo Trần Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 39 (*Ba mươi chín*) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/4/2020, được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 23/11/2018 đến ngày 01/12/2018 tại bản án số 18/2019/HS-PT ngày 22 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Trường G.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Trường G 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh C.

Xử phạt: Bị cáo Trần Mạnh C 09 (*Chín*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (*Mười tám*) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 15 tháng 7 năm 2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Quang T4.

Xử phạt: Bị cáo Trần Quang T4 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Trọng Đ.

Xử phạt: Bị cáo Trần Trọng Đ 12 (*Mười hai*) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục, người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản án.

Giao các bị cáo Trần Thế V, Trần Mạnh C, Trần Quang T4, Trần Trọng Đ cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách và cải tạo không giam giữ.

Giao bị cáo Nguyễn Trường G cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện L, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 3 Điều 321 và Điều 35 Bộ luật hình sự.

- Phạt tiền: Bị cáo Trần Thế V 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*); các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ mỗi bị cáo 2.000.000đ (*Hai triệu đồng*) nộp ngân sách nhà nước.

4. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu và tiêu hủy: Một phong bì thư dán kín, mặt trước phong bì có ghi “*Mẫu vật hoàn trả A*”; 01 bộ bài tú lơ khơ, 52 quân được niêm phong trong phong bì thư dán kín; 01 chiếc nhựa đã cũ, 01 bình xịt hơi cay, màu đen hình trụ; 01 thanh kiếm bằng kim loại, vỏ ngoài màu trắng và 07 bộ bài tú lơ khơ chưa sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: Số tiền 7.110.000đ (*Bảy triệu một trăm mười nghìn đồng*).

- Trả lại: Số tiền 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) cho Trần Văn Q; số tiền 7.700.000đ (*Bảy triệu bảy trăm nghìn đồng*) cho Trần Thế V và 01 điện thoại di động được niêm phong trong bì thư dán kín cho Trần Văn T, nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo thi hành án dân sự.

(Tình trạng số lượng, loại vật chứng cụ thể như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2020 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Lý Nhân và Ủy nhiệm chỉ ngày 24/6/2020).

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc Trần Thế V, Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Trường G, Trần Mạnh C, Trần Quang T4 và Trần Trọng Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định của các Điều 6,7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam.
- VKSND huyện Lý Nhân;
- Công an huyện Lý Nhân;
- Chi cục THADS huyện L;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Bị cáo;
- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ + Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Huy